

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2022/DS-PT

Ngày: 17/8/2022

V/v “Tranh chấp về hủy văn bản nhận tài sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản và chia thừa kế, đòi công sức gìn giữ, tôn tạo, duy trì và đóng thuế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục
Ông Nguyễn Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022, về “Tranh chấp về hủy văn bản nhận tài sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản và chia thừa kế, đòi công sức gìn giữ, tôn tạo, duy trì và đóng thuế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Th bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: 164/4 Ấp Bình Lương X, xã Bình T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2019).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Văn phòng công chứng Thủ Th.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Quế - Trưởng Văn phòng (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Cầu Xây, thị trấn Thủ Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

3. Bà Bùi Thị Thanh Th, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Y, xã Tân Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà B: Ông Trần Văn H, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: 164/4 Ấp Bình Lương 1, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

3.6. Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1945 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Điện, xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3.7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Phú Thạnh, thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh H do ông Trần Văn H đại diện trình bày:

Cụ Nguyễn Thị Sô chết năm 2004 có chồng tên Biểu không biết họ tên (đã chết không rõ tin tức cụ thể). Cụ Sô có tất cả 02 người con là ông Nguyễn Văn Ven, bà Nguyễn Thị Cúc. Năm 2012, ông Ven chết, năm 2011 bà Cúc chết. Ông Ven có vợ Hồ Thị Đ và 01 người con là ông Nguyễn Văn K. Bà Cúc có chồng là Nguyễn Văn Trung chết năm 1994 và có 02 con tên Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Đ. Cụ Sô chết để lại di sản là thửa đất 196, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã Nhị T và không có di chúc. Ngày 26/02/2009, ông Ven làm văn

bản nhận di sản thừa kế thừa 196 và cam K là người thừa kế duy nhất có xác nhận của Ủy ban xã Nhị T. Ngày 22/5/2009, ông Ven được Ủy ban huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất 196. Năm 2012, ông Ven chết. Đến năm 2019, ông K khai nhận di sản thừa kế là thừa đất 196. Năm 2019, Ủy ban huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K.

Nay ông Nguyễn Minh H khởi kiện yêu cầu như sau: Hủy văn bản khai nhận tài sản ngày 26/02/2009 của ông Nguyễn Văn Ven do Ủy ban nhân dân xã Nhị T chứng thực; hủy văn bản khai nhận di sản ngày 17/5/2019 của ông Nguyễn Văn K do Phòng công chứng Thủ Th công chứng. Đồng thời, yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là thừa đất số 196, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã Nhị T như sau: Ông H nhận đất 308.2m² là khu A theo mảnh trích đo do công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Th lập ngày 22/3/2021 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th duyệt ngày 26/3/2021. Ông H không yêu cầu ông K hoàn trả thêm phần giá trị chênh lệch. Một phần thừa đất 196 do ông H tự cất nhà ở sử dụng ổn định từ năm 2007 cho đến nay. Ông K không bồi đắp, gìn giữ tôn tạo cho phần đất của ông H sử dụng. Do đó, ông H không đồng ý hoàn trả chi phí mà ông Ven cha của ông K có công sức bảo quản, tôn tạo, duy trì khối di sản với số tiền 120.000.000 đồng. Ông H chỉ đồng ý chịu một nửa tiền thuế từ năm 2019 cho đến nay do hai bên phát sinh mâu thuẫn nên ông không phụ đóng thuế. Ông đồng ý với Mảnh trích đo và chứng thư thẩm định giá. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Trong đơn phản tố ngày 04/01/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Về hàng thừa kế của cụ Sô ông thống nhất như lời trình bày của ông H. Cụ Nguyễn Thị Sô chết năm 2004 có chồng tên gì ông không biết vì ông nội mất lâu rồi. Không có giấy chứng tử của chồng cụ Sô do gia đình không biết thông tin nên không đi làm giấy chứng tử được. Cụ Sô có tất cả 02 người con là ông Nguyễn Văn Ven, bà Nguyễn Thị Cúc. Năm 2012, ông Ven chết, năm 2011 bà Cúc chết. Ông Ven có 02 người vợ là bà Hồ Thị Đ (không có đăng ký K hôn); bà Nguyễn Thị H (có đăng ký K hôn, không có con chung) và 01 người con là ông K. Ông H và bà Đ là con của bà Cúc. Như vậy, ông K là cháu nội còn ông H là cháu ngoại của cụ Sô. Thừa đất 196 là do ông Ven và bà H mua giấy tay của một người nào đó nay đã chết (ông không biết thông tin) nhưng do ông Ven đi lính nên nhờ bà Nội đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cụ Sô mất thì ông Ven làm thủ tục thừa kế thừa đất 196 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thừa đất 196 thì có 02 căn nhà gồm nhà của bà Cúc và ông Ven. Khi cụ Sô còn sống có cho bà Cúc một phần thuộc thừa 196 để cất nhà tạm và chỉ cho ở tạm; 01 căn nhà của cụ Sô đến khoảng năm 2007 ông H sửa chữa như căn nhà hiện nay. Ông và ông H cất nhà sinh sống ổn định từ khi cụ Sô và ông Ven còn sống. Khi ông H xây nhà kiên cố ông Ven có ngăn cản nhưng không được. Từ khi cất nhà ông K chỉ sử dụng đúng khuôn viên nhà của ông. Ông không bỏ chi phí ra tu bổ phần đất của ông H sử dụng. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Sô đến nay thừa 196 là đất thổ. Khi ông Ven

chết thì ông có làm thủ tục khai nhận thừa đất 196 do không hiểu biết và đã được Ủy ban huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông H yêu cầu chia thừa kế và xin được nhận phần đất khu A mà ông đang sử dụng thì ông không đồng ý vì đây là đất của ông Ven. Trường hợp Tòa án chia đất cho ông H, ông K yêu cầu ông H phải hoàn trả tiền mà ông Ven cha của ông đóng thuế sử dụng thừa đất và trả công sức bảo quản, tôn tạo, duy trì khối di sản với tổng số tiền 120.000.000 đồng. Ông đồng ý với Mạnh trích đo và chứng thư thẩm định giá. Ngoài ra ông K không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong văn bản từ chối nhận di sản, bản cam K, đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà là con của ông Nguyễn Văn Trung và bà Nguyễn Thị Cúc đồng thời là cháu ngoại của cụ Nguyễn Thị Sô. Thừa đất 196 là di sản thừa kế của cụ Sô. Bà và ông H là người thừa kế thế vị của bà Cúc. Bà từ chối nhận phần di sản của bà Cúc đồng thời nhường phần di sản cho ông H. Bà Đ xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Nhị T trình bày:

Thời điểm ngày 27/3/2009, Ủy ban nhân dân xã Nhị T có thực hiện việc chứng thực với nội dung thể hiện chi tiết trong “sổ chứng thực di chúc, từ chối di sản” quyển số 01/2009: Số chứng thực: 12; Họ tên của người yêu cầu chứng thực: Ông Nguyễn Văn Ven; loại việc chứng thực: Nhận tài sản thừa kế. Nội dung: “Mẹ Nguyễn Thị Sô chết để lại diện tích 1.133m² đất thổ, thửa 196, bản đồ 02, ông Nguyễn Văn Ven là người con duy nhất ông nhận tài sản mẹ để lại”. Ủy ban nhân dân xã Nhị T trước đây có sửa chữa, xây dựng mới trụ sở làm việc nên thực hiện việc di dời hồ sơ hộ tịch. Qua kiểm tra, đối chiếu tàng thư thì hồ sơ lưu có liên quan đến việc chứng thực nêu trên không có, chỉ còn “Sổ chứng thực di chúc, từ chối nhận di sản” với các nội dung chứng thực đã nêu trên. Do đó, các trình tự thủ tục cùng tất cả các nội dung có liên quan đến vụ việc trên, Ủy ban nhân dân xã Nhị T không có căn cứ để trình bày. Đồng thời, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Trong bản tự trình bày nội dung vụ việc và đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Thủ Th do ông Nguyễn Xuân Quế đại diện trình bày:

Ngày 02/5/2019, ông Nguyễn Văn K đến Văn phòng công chứng Thủ Th chứng nhận việc khai nhận di sản thừa kế. Giấy tờ ông K nộp gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn Ven đứng tên, 01 giấy chứng tử, 01 giấy xác nhận mối quan hệ. Qua kiểm tra các giấy tờ đều hợp lệ, Văn phòng công chứng tiến hành soạn thảo thông báo niêm yết thừa kế và đã niêm yết theo thủ tục 15 ngày tại Ủy ban nhân dân xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An. Sau 15 ngày niêm yết Văn phòng công chứng Thủ Th không nhận được khiếu nại, tố cáo nào, đồng thời

ông K có bổ sung thêm văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của mẹ là bà Hồ Thị Đ, Văn phòng công chứng tiến hành soạn thảo văn bản khai nhận di sản, ông K đã tự đọc dự thảo văn bản khai nhận di sản, công nhận là đúng, nội dung chủ yếu của văn bản là: “Tôi là Nguyễn Văn K, sinh năm 1973, CMND số 300776632 do công an tỉnh Long An cấp ngày 28/03/2016, hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An. Tôi là con và là người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Ven, sinh năm 1936, đã chết ngày 17/11/2012 theo giấy chứng tử số 71/2012, quyền số 01/2011 do UBND xã Nhị T, huyện Thủ Th, Long An đăng ký ngày 28/11/2012. Ngoài tôi ra còn có người thừa kế khác gồm: Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1945, CMND số 300428454 do công an tỉnh Long An cấp ngày 26/7/2013. Hộ khẩu thường trú: ấp Bình Điện, xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Quan hệ với người để lại di sản thừa kế: Vợ. Theo văn bản từ chối nhận di sản số 3258, quyền số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng công chứng Thủ Th chứng nhận ngày 16/05/2019 bà Hồ Thị Đ đã đồng ý từ chối nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ven để lại tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B062711 số vào sổ 406QSDĐ/96 do UBND huyện Thủ Th cấp ngày 04/6/1996. Trước khi chết ông Nguyễn Văn Ven không để lại di chúc hoặc bất kỳ một nghĩa vụ tài sản nào mà những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Ven phải thực hiện. Ông Nguyễn Văn Ven chỉ có người vợ duy nhất là bà Hồ Thị Đ và người con đẻ là Nguyễn Văn K; bố mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn Ven đã chết trước ông Nguyễn Văn Ven. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Ven không có bố mẹ nuôi, không còn ai là vợ, con đẻ hay con nuôi nào khác. Ông Nguyễn Văn Ven là chủ sử dụng quyền sử dụng thửa đất diện tích 1.133m² tại Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B062711 số vào sổ 406 QSDĐ/96 do UBND huyện Thủ Th cấp ngày 04/6/1996. Hiện trạng: Số thửa 196, tờ bản đồ số 02, địa chỉ đất: Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An; diện tích 1.133m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng 1.133m², sử dụng chung 0m²; mục đích sử dụng đất: ONT; thời hạn sử dụng đất: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Tôi Nguyễn Văn K xin đề nghị nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn Ven để lại toàn bộ phần tài sản nêu trên”. Văn phòng công chứng in ấn, ông K ký tên, điểm chỉ vào văn bản thỏa thuận trước sự chứng kiến của công chứng viên và văn bản được công chứng viên ký chứng nhận và xuất ngay sau đó, có số công chứng 3301, quyền số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD. Do đó, việc Văn phòng công chứng Thủ Th chứng nhận văn bản khai nhận nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật. Đồng thời, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là vợ của ông H, bà thống nhất với lời trình bày của ông H. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh Th trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Đ không có lời trình bày về vụ án đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1961, bà H và ông Ven mua miếng đất 1.133m² tại Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An vào năm 1964 từ người em của ông Hai Đủ với giá 500 đồng. Sau khi mua mảnh đất này ông Nguyễn Văn Ven đi lính. Sau 03 năm thì cụ Nguyễn Thị Sô mới về ở chung với vợ chồng bà H. Bà Cúc sau năm 1975 mới về ở trên mảnh đất này. Ông Ven đi lính không về nhà nên người em chồng và cụ Sô đã tự ý đi làm giấy tờ đất lấy tên cụ Sô. Đến năm 1970, do bà không thể sống chung được với cụ Sô nên cụ Sô đuổi bà đi và cưới vợ mới cho ông Ven là bà Hồ Thị Đ. Từ đó, bà không còn liên quan gì tới gia đình chồng nữa. Bà xác định thửa đất 196 là của ông Ven, nay ông K thừa hưởng thì bà không có ý kiến hay tranh chấp gì. Đồng thời, bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Th đã căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai; Các Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H đối với ông Nguyễn Văn K về tranh chấp văn bản nhận tài sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản và chia thừa kế”.

Tuyên bố văn bản nhận tài sản thừa kế do Ủy ban nhân dân xã Nhị T chứng thực số 12, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 27/3/2009 vô hiệu.

Tuyên bố văn bản khai nhận di sản được Văn phòng công chứng Thủ Th chứng thực số 3301, quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/5/2019 vô hiệu.

Xác định cụ Nguyễn Thị Sô (chết ngày 09/4/2004) và di sản của cụ Nguyễn Thị Sô là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 196, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 196, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Minh H được chia 308,2m² thuộc khu A theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Th lập ngày 22/3/2021 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th duyệt ngày 26/3/2021.

Có tứ cận như sau:

Đông giáp một phần thửa 196 cạnh dài 3,9m, 0,6m, 8,2m, 10,1m, 6m;

Tây giáp thửa 278 cạnh dài 4m, 14m, 5m, 5,6m;

Nam giáp đường nước cạnh dài 10,5m;

Bắc giáp lối đi công cộng cạnh dài 10,7m;

Vị trí khu đất được thể hiện tại Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Th lập ngày 22/3/2021 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th duyệt ngày 26/3/2021.

Tạm giao khu B diện tích 360,8m² theo mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Th lập ngày 22/3/2021 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th duyệt ngày 26/3/2021 cho ông Nguyễn Văn K quản lý.

2. Chấp chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn K đối với ông Nguyễn Minh H về tranh chấp đòi tiền thuế.

Buộc ông Nguyễn Minh H hoàn trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 1.010.000 đồng (Một triệu không trăm mười nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn K đối với ông Nguyễn Minh H về tranh chấp hoàn trả tiền công sức gìn giữ tôn tạo di sản thừa kế số tiền 118.990.000 đồng (Một trăm mười tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Nguyễn Minh H phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền 9.700.000 đồng (chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H phải chịu 37.528.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế và 300.000 đồng tranh chấp về đòi tiền thuế. Khấu trừ 5.600.000 đồng theo biên lai thu số 0004792 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Th sang án phí. Ông H phải nộp thêm 32.228.000 đồng án phí.

Ông Nguyễn Văn K chịu 600.000 đồng án phí về tranh chấp văn bản nhận tài sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản và 5.949.500 đồng án phí về phần công sức gìn giữ tôn tạo di sản. Khấu trừ 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002178

ngày 07/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Th sang án phí. Ông Nguyễn Văn K phải nộp thêm 3.549.500 đồng án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 31/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị số 68/QĐ-VKS-DS, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B do ông Trần Văn H đại diện trình bày: Nguyên đơn không kháng cáo, đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát ông không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh Th trình bày: Ông K, bà Thúy không kháng cáo. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát ông, bà đồng ý.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung kháng nghị: Ông K là người được hưởng thừa kế có yêu cầu tính công sức gìn giữ tôn tạo di sản với số tiền 118.990.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông K là có căn cứ. Trong trường hợp này, ông K không phải chịu án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K phải chịu án phí là không phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích trên, đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, theo hướng ông K không phải chịu án phí do yêu cầu tính công sức không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An được làm đúng theo quy định tại Điều 279, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Trần Văn H, ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị Thanh Th có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt đã được tổng

đạt hợp lệ có văn bản trình bày ý kiến lưu hồ sơ và yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hàng thừa kế: Ông Nguyễn Minh H và ông Nguyễn Văn K thống nhất: Cụ Nguyễn Thị Sô (chết năm 2004) có chồng tên Biều đã chết. Cụ Sô có 02 người con gồm bà Nguyễn Thị Cúc (chết năm 2011, có chồng là ông Nguyễn Văn Trung (chết năm 1994, con gồm ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Đ) và ông Nguyễn Văn Ven (chết năm 2012, ông Ven và Hồ Thị Đ có con là Nguyễn Văn K).

[3.2] Về di sản thừa kế:

Về nguồn gốc thửa đất 196, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An do cụ Nguyễn Thị Sô đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Minh H cho rằng khi cụ Sô chết không để lại di chúc. Sau khi cụ Sô chết thì ông Nguyễn Văn Ven đã tự ý kê khai thừa kế không có ý kiến của bà Nguyễn Thị Cúc. Ông Nguyễn Minh H khởi kiện yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế và chia thừa kế.

Quá trình giải quyết vụ án, ông K cho rằng thửa đất 196 do ông Nguyễn Văn Ven mua nhưng ông Ven đi lính nên nhờ cụ Sô đứng tên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông K thừa nhận vào năm 1995, khi cụ Sô kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ven đã đi lính về chung sống cùng cụ Sô, đồng thời không phản đối việc cụ Sô đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn K phản tố yêu cầu hoàn trả tiền công sức tôn tạo, gìn giữ và đóng thuế thửa đất 196, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An với tổng số tiền 120.000.000 đồng.

Xét thấy, từ năm 1995 đến năm 2004, khi cụ Sô còn sống ông Ven không làm thủ tục chuyển qua tên ông. Việc ông Ven chuyển nhượng thửa đất này từ ai, ông K cũng không xác định được. Mặt khác, tại công văn số 4366/UBND-NC ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th xác định: Năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thửa đất 196 cho cụ Nguyễn Thị Sô. Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị Sô thể hiện nguồn gốc sử dụng là công điền không phải nhận chuyển nhượng. Ông K cũng thừa nhận thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Sô là người trực tiếp quản lý sử dụng. Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quá trình quản lý, sử dụng đất đủ căn cứ xác định thửa đất 196 là của cụ Nguyễn Thị Sô. Từ đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, đối với công sức gìn giữ, tôn tạo di sản với số tiền 118.990.000 đồng của bị đơn không được chấp nhận.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đương sự trong vụ án không kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị về án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không

thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án; Viện kiểm sát không rút kháng nghị. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi liên quan đến nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về án phí dân sự sơ thẩm, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Minh H phải chịu 37.528.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế và 300.000 đồng tranh chấp về đòi tiền thuế. Ông Nguyễn Văn K chịu 600.000 đồng án phí về tranh chấp văn bản nhận tài sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu phản tố tính công sức gìn giữ, tôn tạo di sản số tiền 118.990.000 đồng không được chấp nhận, thấy rằng:

Theo quy định tại điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Công văn số 98/TATC-PC ngày 30/6/2020 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tính án phí thì tùy trường hợp người yêu cầu được hưởng công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất là người thuộc diện thừa kế theo pháp luật, thừa kế theo di chúc, hoặc thuộc diện được chia tài sản chung thì xác định án phí như sau:

Nếu yêu cầu được chấp nhận, người đó được hưởng phần công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất cùng với việc được chia di sản hoặc chia tài sản chung thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối di sản thừa kế hoặc trong khối tài sản chung;

Nếu yêu cầu không được chấp nhận, Tòa án bác yêu cầu hưởng phần công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất cùng với việc được chia di sản hoặc chia tài sản chung thì không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu hưởng công sức.

Trong trường hợp này, ông Nguyễn Văn K thuộc diện thừa kế theo pháp luật nên ông K không phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố tính công sức gìn giữ, tôn tạo di sản với số tiền 118.990.000 đồng không được tòa án chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K phải chịu án phí 5.949.500 đồng án phí trên số tiền này là không phù hợp quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông K. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long A là có căn cứ, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

[6] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Th về án phí.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H đối với ông Nguyễn Văn K về tranh chấp văn bản nhận tài sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản và chia thừa kế”.

1.1. Tuyên bố văn bản nhận tài sản thừa kế do Ủy ban nhân dân xã Nhị T chứng thực số 12, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 27/3/2009 vô hiệu.

1.2. Tuyên bố văn bản khai nhận di sản được Văn phòng công chứng Thủ Th chứng thực số 3301, quyển số 01/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/5/2019 vô hiệu.

1.3. Xác định cụ Nguyễn Thị Sô (chết ngày 09/4/2004) và di sản của cụ Nguyễn Thị Sô là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 196, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 196, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại Ấp X, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Minh H được chia 308,2m² thuộc khu A theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Th lập ngày 22/3/2021 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th duyệt ngày 26/3/2021.

Có tứ cận như sau:

- Đông giáp một phần thửa 196 cạnh dài 3,9m, 0,6m, 8,2m, 10,1m, 6m;
- Tây giáp thửa 278 cạnh dài 4m, 14m, 5m, 5,6m;
- Nam giáp đường nước cạnh dài 10,5m;
- Bắc giáp lối đi công cộng cạnh dài 10,7m;

Vị trí khu đất được thể hiện tại Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Th lập ngày 22/3/2021 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th duyệt ngày 26/3/2021.

Tạm giao khu B theo mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Th lập ngày 22/3/2021 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Th duyệt ngày 26/3/2021 cho ông Nguyễn Văn K quản lý.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

2. Chấp chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn K đối với ông Nguyễn Minh H về tranh chấp đòi tiền thuế.

Buộc ông Nguyễn Minh H hoàn trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 1.010.000 đồng (một triệu không trăm mười nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn K đối với ông Nguyễn Minh H về tranh chấp hoàn trả tiền công sức gìn giữ tôn tạo di sản thừa kế số tiền 118.990.000 đồng (một trăm mười tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày ông Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Nguyễn Minh H phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền 9.700.000 đồng (chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh H phải chịu 37.528.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tranh chấp về đòi tiền thuế. Khấu trừ 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004792 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Th sang án phí. Ông H phải nộp tiếp 32.228.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí.

Ông Nguyễn Văn K chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí về tranh chấp văn bản nhận tài sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản. Khấu trừ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0002178 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Th sang án phí. Ông Nguyễn Văn K được hoàn lại 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí còn thừa.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

8. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Th;
- Chi cục THADS huyện Thủ Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân